

PHỤ LỤC SỐ 03

Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 1085/QĐ-TTg do Trung ương ban hành

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Tổng số TTHC đơn giản hóa: 76 TTHC, trong đó: cấp tỉnh 70 TTHC, cấp xã 06 TTHC.

A. Sở Công Thương (06 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 06 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Ban hành Kế hoạch phát triển chợ

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC

- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02 %.

2. Thủ tục hành chính: Ban hành Nội quy chợ mẫu

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC

- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.938.431 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.333.431 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.605.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,07 %.

3. Thủ tục hành chính: Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng CSDL môi trường ngành Công Thương

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết TTHC
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Chương II Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.891.626 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.278.626 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.613.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,15 %.

4. Thủ tục hành chính: Thủ tục điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.962.114 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.361.114 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.601.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,13%.

5. Thủ tục hành chính: Lấy ý kiến Bộ Công Thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thành phần hồ sơ TTHC

- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.932.540 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.326.540 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.606.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,08%.

6. Thủ tục hành chính: Thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh hoá chất Bạng

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết TTHC.

- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 13 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá huỷ vũ khí hoá học.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.905.479 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.294.254 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.611.225 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,13%.

B. Sở Giáo dục và Đào tạo (23 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 18 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập, giáo dục, xóa mù chữ

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC.

- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

2. Thủ tục hành chính: Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập, giáo dục, xóa mù chữ

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC.

- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

3. Thủ tục hành chính: Công nhận thư viện trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 13, Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

4. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

4.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

5. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

5.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

6. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

6.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

7. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

7.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

8. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

8.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

9. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

9.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

10. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

10.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

11. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

11.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.930.988 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.950.988 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,17%.

12. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

12.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

13. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

13.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

14. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bãi bỏ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

14.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

15. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

15.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Khoản 3, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

16. Thủ tục hành chính: Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập

16.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm của trung tâm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

16.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm c Khoản 2 Điều 33 Nghị định 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

17. Thủ tục hành chính: Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập

17.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục.

17.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm c Khoản 2 Điều 49 Nghị định 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

18. Thủ tục hành chính: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)

18.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục. Tra cứu trong cơ sở dữ liệu đất đai.

18.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 56 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

II. Cấp xã: 05 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục. Tra cứu trong cơ sở dữ liệu đất đai.

1.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

2. Thủ tục hành chính: Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường với thời hạn tối thiểu 05 năm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục. Tra cứu trong cơ sở dữ liệu đất đai.

2.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

3. Thủ tục hành chính: Thành lập trung tâm học tập cộng đồng

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao văn bản pháp lý chứng minh về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng thuê địa điểm trung tâm.*

- **Lý do:** Loại bỏ các giấy tờ đã được số hóa và khai thác dữ liệu sẵn có để giảm gánh nặng hồ sơ cho người dân và cơ sở giáo dục. Tra cứu trong cơ sở dữ liệu đất đai.

3.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

4. Thủ tục hành chính: Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điểm d Mục 3 Phần II Quyết định số 1195/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

5. Thủ tục hành chính: Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC nhằm đảm bảo tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Điều này giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d Mục 3 Phần II Quyết định số 1195/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.327.062 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.347.062 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,82%.

C. Sở Nông nghiệp và Môi trường (13 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 13 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.000698

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:**
 - + Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bổ sung quy định mẫu hóa Tờ trình thành lập khu rừng đặc dụng, Dự án thành lập khu rừng đặc dụng, Quyết định thành lập khu rừng đặc dụng của Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện thủ tục.

- + Giảm thời hạn giải quyết từ 80 ngày làm việc xuống còn 55 ngày làm việc.

- **Lý do:**

- + Quy định mẫu hóa các giấy tờ nêu trên để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị lập hồ sơ, tổng hợp, thẩm định văn bản, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- + Cắt giảm chi phí thời gian thực hiện nhằm đơn giản hoá TTHC nội bộ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.607.143 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.917.143 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,56%.

2. Thủ tục hành chính: Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Mã số TTHC: 5.000699

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

+ Về mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị bổ sung quy định mẫu hóa Tờ trình thành lập khu rừng phòng hộ, Dự án thành lập khu rừng phòng hộ, Quyết định thành lập khu rừng phòng hộ của Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện thủ tục.

+ Giảm thời hạn giải quyết từ 80 ngày làm việc xuống còn 55 ngày làm việc.

- Lý do:

+ Quy định mẫu hóa các giấy tờ nêu trên để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị lập hồ sơ, tổng hợp, thẩm định văn bản, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Cắt giảm chi phí thời gian thực hiện nhằm đơn giản hoá TTHC nội bộ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi thời hạn giải quyết quy định tại Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

3. Thủ tục hành chính: Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình 809, Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mã số TTHC: 5.002082

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

+ Bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ.

+ Đề nghị chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 06 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT cho UBND cấp xã.

- Lý do:

+ Tại Điều 6 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa quy định rõ số lượng hồ sơ. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính

nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

3.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung quy định rõ về số lượng hồ sơ, sửa đổi chuyên nhiệm vụ của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã tại Điều 6 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.020.031 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.330.031 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,98%.

4. Thủ tục hành chính: Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

- + Đề nghị bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC.
- + Đề nghị sửa đổi tên TTHC thành “*Hỗ trợ kinh phí xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

+ Đề nghị chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện tại điểm b, d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP cho UBND cấp xã.

- Lý do:

+ Tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ chưa quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC, từ đó dẫn đến gây khó khăn trong thực hiện, không tạo được sự thống nhất giữa các địa phương trong cả nước. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Để đảm bảo thống nhất theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

+ Đề nghị chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 06 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho UBND cấp xã.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bổ sung quy định rõ về số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết và sửa đổi chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

- Đề nghị sửa đổi tên TTHC tại số thứ tự 2 mục B Phần I; số thứ tự 2 mục I, B phần II Quyết định số 5174/QĐ-BNN-VP ngày 31/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.929.329 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.239.329 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,32%.

5. Thủ tục hành chính: Hỗ trợ trồng cây phân tán thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mã số TTHC: 5.002084

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ chưa quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC, từ đó dẫn đến gây khó khăn trong thực hiện, không tạo được sự thống nhất giữa các địa phương trong cả nước. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC tại khoản 5 Điều 23 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

6. Thủ tục hành chính: Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành

Mã số TTHC: 5.003183

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ.
- **Lý do:** Tại Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa quy định rõ số lượng hồ sơ. Do đó, đề nghị

quy định rõ số lượng hồ sơ để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung quy định rõ về số lượng hồ sơ tại Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

7. Thủ tục hành chính: Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Tại Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ chưa quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC, từ đó dẫn đến gây khó khăn trong thực hiện, không tạo được sự thống nhất giữa các địa phương trong cả nước. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

7.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC tại Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.230.024 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.540.024 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,52%.

8. Thủ tục hành chính: Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC.

- **Lý do:** Tại Điều 19 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ chưa quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC, từ đó dẫn đến gây khó khăn trong thực hiện, không tạo được sự thống nhất giữa các địa phương trong cả nước. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết TTHC tại Điều 19 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

9. Thủ tục hành chính: Phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện, cho cơ quan chuyên môn cấp xã, UBND cấp huyện cho UBND cấp xã quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp cho cơ quan chuyên môn cấp xã.

- **Lý do:** Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

9.2. Kiến nghị thực thi

Chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện cho cơ quan chuyên môn cấp xã quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.876.318 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.186.318 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,23%.

10. Thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp; không tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; rừng được giao, được thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

+ Cắt giảm thời gian giải quyết:

Thời gian gửi kết quả thanh tra, kiểm tra: từ 10 ngày xuống 07 ngày.

Thời gian kiểm tra, xác minh đặc điểm khu rừng: giảm từ 30 ngày còn 20 ngày.

+ Đề nghị chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp huyện cho cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp xã, UBND cấp huyện cho UBND cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Lý do:

+ Cắt giảm 30% thời gian giải quyết nhằm đơn giản hoá TTHC.

+ Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn giải quyết tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.

- Chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện cho cơ quan chuyên môn cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.932.347 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.242.347 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,92%.

11. Thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

- + Cắt giảm thời gian giải quyết thu hồi rừng từ 15 ngày còn 10 ngày.
- + Đề nghị chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp huyện cho cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp xã, UBND cấp huyện cho UBND cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Lý do:

- + Cắt giảm 30% thời gian giải quyết nhằm đơn giản hoá TTHC.
- + Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi thời hạn giải quyết tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.
- Chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện cho cơ quan chuyên môn cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

12. Thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế theo quy định của pháp luật

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị chuyển nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp huyện cho cơ quan chuyên môn lâm nghiệp cấp xã, UBND cấp huyện cho UBND cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- **Lý do:** Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

12.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị phân cấp về cho UBND cấp xã quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

13. Thủ tục hành chính: Lập, triển khai kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung:

- + Bổ sung quy định rõ số lượng hồ sơ.
- + Đề nghị chuyển nhiệm vụ của UBND cấp huyện quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 06 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT cho UBND cấp xã.

- Lý do:

+ Tại Điều 6 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa quy định rõ số lượng hồ sơ. Do đó, đề nghị quy định rõ số lượng hồ sơ để tạo thuận lợi cho cơ quan hành chính nhà nước trong việc chuẩn bị hồ sơ, đảm bảo tính thống nhất, rút ngắn thời gian thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tiết kiệm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

+ Từ 01/7/2025 đã kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong cả nước.

13.2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bổ sung quy định rõ về số lượng hồ sơ và sửa đổi chuyển nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Ủy ban nhân dân cấp xã tại Điều 6 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.476.190 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.786.190 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.690.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,92%.

D. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (15 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 15 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III.

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001320

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.385.814 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.053.314 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%.

2. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001306

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.308.652 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.242.652 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.066.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,83%.

3. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001321

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.508.446 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19.843.446 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,84%.

4. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001308

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.250.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.918.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,84%.

5. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001322

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.732.143 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.533.143 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.199.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

6. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản văn hóa I, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001310

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.714.286 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.394.286 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.320.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

7. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001314

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.384.740 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.119.740 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.265.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

8. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001324

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

8.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.782.468 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.852.468 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

9. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001325

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.631.494 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.966.494 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.665.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

10. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001316

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

10.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.217.532 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.219.532 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.998.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

11. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hoá sĩ hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001326

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

11.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.811.688 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.479.688 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.332.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,32%.

12. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001327

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

12.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17.547.918 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.892.918 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.655.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,13%.

13. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II, hạng II

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001318

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

13.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.698.612 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.928.612 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,13%.

14. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001328

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

14.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.027.149 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.167.149 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.860.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,26%.

15. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính.

Mã số TTHC cấp tỉnh: 5.001319

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bãi bỏ thành phần hồ sơ là: *Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.*

- **Lý do:** Phần mềm quản lý công chức viên chức có kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể khai thác các thông tin về văn bằng chứng chỉ của viên chức nộp hồ sơ.

15.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 7/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.704.374 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.152.374 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.552.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,26%.

E. Sở Nội vụ (06 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 06 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Biệt phái công chức, viên chức

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 26 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.265.335 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.265.335 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,02%.

2. Thủ tục hành chính: Luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 46 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.329.768 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.609.768 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.720.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,22%.

3. Thủ tục hành chính: Tạm đình chỉ công tác đối với công chức

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 56 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

4. Thủ tục hành chính: Điều động công chức

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

4.2. Kiến nghị thực thi

Bổ sung quy định cụ thể về thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Điều 25 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.304.014 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.629.014 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.675.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,71%.

5. Thủ tục hành chính: Phân loại đơn vị hành chính cấp xã

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:**
 - + Về trình tự thực hiện: Gộp trình tự thực hiện tại bước 1, bước 2, bước 3 thành 01 bước: UBND xã, phường lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, trình HĐND xã, phường thông qua, gửi Sở Nội vụ.
 - + Về thành phần hồ sơ: Bãi bỏ thành phần hồ sơ: "*Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại*".

- **Lý do:** Thực hiện Chính quyền địa phương 02 cấp, không còn UBND cấp huyện; đồng thời thành phần Bản đồ xác định vị trí đơn vị hành chính được phân loại có thể sử dụng bản đồ trong cơ sở dữ liệu số về địa giới hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ tại khoản 15, Điều 1; sửa đổi khoản 14 Điều 1 Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; sửa đổi trình tự tại khoản 1, 2, 3 Điều 28 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

6. Thủ tục hành chính: Công nhận xã an toàn khu

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Quy định cụ thể thời gian thẩm định tại Sở Nội vụ là 15 ngày làm việc.

- **Lý do:** Giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.064 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.064 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

G. Sở Tư pháp (06 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 05 TTHC

1. Nhóm TTHC lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật: 02 TTHC

- **Công nhận Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (Mã TTHC 5.000677)**
- **Miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (Mã TTHC 5.000678)**

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ TTHC.

- **Lý do:** Nội dung của 02 TTHC này được quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp, tuy nhiên đã bị bãi bỏ tại Khoản 1, Điều 10 Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp và chưa có văn bản khác quy định cụ thể về 02 TTHC này.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị ban hành quy định cụ thể về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ... của 02 TTHC nêu trên.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

2. Thủ tục hành chính: Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ...

- **Lý do:** Quy định hiện hành còn chung chung, chưa có quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ...

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ theo hướng quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ... đảm bảo rõ ràng, cụ thể, đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

3. Thủ tục hành chính: Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ...

- **Lý do:** Quy định hiện hành còn chung chung, chưa có quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ....

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 5, Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ Tư pháp theo hướng quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ... đảm bảo rõ ràng, cụ thể, đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

4. Thủ tục hành chính: Thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị bỏ quy định gửi hồ sơ bằng bản giấy.

- **Lý do:** Hiện nay các cơ quan, đơn vị thực hiện trao đổi công việc thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, mặt khác việc triển khai quy định này trên thực tế không đem lại hiệu quả cao. Đề nghị bỏ đảm bảo phù hợp với định hướng đẩy mạnh số hóa, cắt giảm giấy tờ.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

5. Thủ tục hành chính: Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I, II

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Bổ sung quy định cụ thể về trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ...

- **Lý do:** Quy định hiện hành còn chung chung, chưa có quy định cụ thể trình tự, cách thức thực hiện, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết...

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 đảm bảo rõ ràng, cụ thể, đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

II. Cấp xã: 01 TTHC

1. Đánh giá, công nhận xã, phường, đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề xuất quy định rõ trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết của TTHC

- **Lý do:** Quy định hiện hành còn chung chung, chưa có quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ TTHC

1.2. Kiến nghị thực thi

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; sửa đổi Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.489.489 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.559.489 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,32%.

H. Thanh tra tỉnh (07 TTHC)

I. Cấp tỉnh: 07 TTHC

1. Thủ tục hành chính: Xây dựng, phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết TTHC.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết TTHC giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

1.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.526.996 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.846.975 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.680.021 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,82%.

2. Thủ tục hành chính: Tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

2.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 33 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.909.091 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.299.091 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,12%.

3. Thủ tục hành chính: Đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.909.091 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.299.091 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,12%.

4. Thủ tục hành chính: Ra quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến tham nhũng

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

4.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 46 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.909.091 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.299.091 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,12%.

5. Thủ tục hành chính: Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác liên quan đến tham nhũng

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

5.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 48 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.909.091 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.299.091 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,12%.

6. Thủ tục hành chính: Xử lý quà tặng

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

6.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 27 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.184 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.172 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.012 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,02%.

7. Thủ tục hành chính: Xử lý thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Đề nghị quy định rõ thành phần hồ sơ.
- **Lý do:** Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

7.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.968.184 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.368.172 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.600.012 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,12%.